



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

ISSN 2815 - 584X



Số 05-2024

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 05-2024



Chịu trách nhiệm xuất bản:

THS. NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI**

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822911

Fax: 0255.3828529

Email: ttudvkhcn-skh@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1: Đoàn công tác của Bộ Khoa học và Công nghệ về thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

Trong số này:

Kính Biểu

◆ Những vấn đề chung:

✎ Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn thế giới năm 2024.

NGUYỄN DUNG (tổng hợp) 1

✎ Quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

NGUYỄN PHƯƠNG 2

✎ Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.

MINH TÚ 3

✎ Kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Ngãi.

UYÊN NHI 6

✎ Kế hoạch đánh giá chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

ANH MINH 7

◆ Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:

✎ Đoàn công tác của Bộ Khoa học và Công nghệ thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

DUNG NGUYỄN 9

✎ Sở Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh công tác chuyển đổi số.

MINH KHUÊ 12

✎ Kết quả của đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt - Hrê, Việt - Co”.

TRẦN DUY LINH 13

✎ Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, ghi nhãn hàng hóa đối với hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh.

HỒNG CẨM 18

✎ Dự án “VINARONG BIEN” - Giải Nhì Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 5.

HÀ ANH 20

✎ Nghiên cứu giá trị tiên lượng của chỉ số MELD, MELDNa ở người bệnh xơ gan mất bù tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

NGUYỄN TÚ 21

✎ 30 đề tài đạt giải Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 9, năm 2024

NGUYỄN PHƯƠNG 25

◆ Doanh nghiệp cần biết:

✎ Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

MAI HƯƠNG 28

✎ Đăng ký hồ sơ tham gia xét tặng Giải thưởng Trần Đại Nghĩa năm 2025

ĐẶNG NGUYỄN 30

✎ Áp dụng TPM giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng

HOÀNG NGỌC 31

In 650 cuốn khổ 19x27, tại Công ty CP In Việt Phát - 285 An Dương Vương, TP. Quảng Ngãi, ĐT: 0255.3836839 -0915 444 609

Giấy phép xuất bản số 47/GP-XBBT ngày 16/8/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi

In xong và nộp lưu chiểu tháng 08/2024.

Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn thế giới năm 2024

Ngày 14 tháng 10 hằng năm đã được ba tổ chức tiêu chuẩn hàng đầu thế giới là Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) chọn là Ngày Tiêu chuẩn Thế giới nhằm vinh danh những đóng góp và hợp tác của hàng ngàn chuyên gia trên toàn thế giới trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn.



Jo Cops
Chủ tịch IEC



Ulrika Francke
Chủ tịch ISO



Seizo Onoe
Giám đốc ITU

Thông điệp ngày 14/10/2024: Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn – Tập trung vào Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 9).

Mục tiêu Phát triển Bền vững 9 – Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng bền vững trong thời đại trí tuệ nhân tạo (AI).

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) thể hiện tầm nhìn chung vì hòa bình, thịnh vượng và phúc lợi của con người và cả hành tinh, mỗi SDG đều đưa ra lời kêu gọi hành động khẩn cấp và việc đạt được chúng đòi hỏi nỗ lực chung của tất cả chúng ta.

Tiêu chuẩn quốc tế đưa ra các giải pháp thực tế mà tất cả chúng ta đều có thể ủng hộ. Bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế, bạn trở thành một phần của giải pháp.

SDG 9 tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng phục hồi, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện và bền vững, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Tiêu chuẩn quốc tế là xương sống của tiến bộ toàn cầu. Chúng đảm bảo khả năng tương tác, an ninh và bền vững, thúc đẩy sự hợp tác toàn cầu để đẩy nhanh đổi mới thông qua AI.

Cùng nhau, chúng ta có thể xây dựng một thế giới với cơ sở hạ tầng vững chắc, tăng trưởng công nghiệp bền vững và đổi mới vượt trội – được thúc đẩy bởi trí tuệ nhân tạo và được hỗ trợ bởi các tiêu chuẩn quốc tế – thúc đẩy chuyển đổi kinh tế, hôm nay và cho các thế hệ mai sau ■

Nguyễn Dung (tổng hợp)

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BKHCN ngày 12 tháng 6 năm 2024 về quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện Chương trình và tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình:

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình: SPQG.XX.ĐT(hoặc DA).YY/ZZ. Trong đó:

- SPQG là ký hiệu chung của Chương trình;
- XX là ký hiệu gồm 02 chữ số ghi thứ tự của sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- ĐT là ký hiệu đề tài khoa học và công nghệ; hoặc DA là ký hiệu dự án sản xuất thử nghiệm;
- YY là ký hiệu gồm 02 chữ số ghi số thứ tự của đề tài hoặc dự án sản xuất thử nghiệm theo từng sản phẩm quốc gia;
- ZZ là ký hiệu gồm 02 chữ số biểu thị

năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg và các chính sách ưu đãi khác theo quy định pháp luật, đề xuất nội dung ưu đãi hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

- Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định pháp luật tương ứng với từng hình thức hỗ trợ.

Tổ chức quản lý Chương trình:

- Tổ chức quản lý Chương trình thực hiện theo quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg.

- Chương trình đặt dưới sự chỉ đạo và điều phối của Ban Chỉ đạo Chương trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình.

Xác định Danh mục sản phẩm quốc gia:

- Sản phẩm quốc gia được lựa chọn phát triển đáp ứng các quy định tại khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg.

- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định lựa chọn sản phẩm quốc gia xây dựng Phiếu đề xuất sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu (xem tiếp trang 5)

Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia

MINH TÚ

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BKHCN ngày 09 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2015 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.

Thông tư quy định như sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

Sửa đổi điểm d, bổ sung điểm dl vào sau điểm d tại khoản 1 Điều 2:

“d) Thời gian thực hiện của mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp thiết địa phương không quá 36 tháng. Đối với nhiệm vụ KH&CN không thể thực hiện trong thời gian 36 tháng do yêu cầu của vấn đề KH&CN như: yếu tố thời vụ và/hoặc quy trình sản xuất (yêu cầu tổng thời gian thực hiện vượt quá 36 tháng) thì nhiệm vụ KH&CN phải được Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN kiến nghị Lãnh đạo Bộ KH&CN cho phép thực hiện. Ý kiến của Hội đồng được thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN;

dl) Thời gian tiến hành thủ tục phê duyệt



Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn tổ chức, các nhân chủ trì đề tài “Nghiên cứu, đánh giá tác động của các ao, hồ, đầm đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương kể từ khi Bộ KH&CN nhận được đề xuất nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đến trước thời điểm ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không quá 01 (một) năm. Sau 01 (một) năm mà nhiệm vụ chưa được ký hợp đồng thực hiện thì nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương cần đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của vấn đề KH&CN trước khi tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Để đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ, Bộ KH&CN có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, nơi phát sinh vấn đề KH&CN cấp thiết địa phương, khẳng định vấn đề KH&CN vẫn còn tính cấp thiết. Sau khi nhận được văn bản khẳng định tính cấp thiết của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đơn vị quản lý chuyên môn của Bộ KH&CN tiến hành xin ý kiến tối thiểu 03 (ba) chuyên gia là thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN của chính vấn đề KH&CN cấp thiết được đề xuất. Trong số chuyên gia được xin ý kiến có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng. Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương được tiếp tục thực hiện khi ý kiến của các chuyên gia thống nhất đề xuất cần



Hội đồng xác định Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong năm 2025.

tiếp tục thực hiện tại Phiếu xin ý kiến. Trong trường hợp các chuyên gia có ý kiến không thống nhất, Bộ KH&CN có văn bản thông báo dừng không triển khai nhiệm vụ”.

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2:

“2. Yêu cầu riêng đối với đề án, đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.”.

(2) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Đề xuất, xác định và phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, lựa chọn các vấn đề KH&CN đáp ứng những yêu cầu quy định tại Điều 2 Thông tư này xây dựng đề xuất đặt hàng kèm theo văn bản cam kết bố trí phần ngân sách địa phương và địa chỉ ứng dụng thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ KH&CN.

Việc xây dựng đề xuất đặt hàng, hoàn thiện đề xuất đặt hàng, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

Bộ KH&CN thực hiện tổ chức xác định nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-



BKHCN.”.

(3) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước”.

(4) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, Bộ KH&CN giao cho đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thuộc Bộ ký hợp đồng”.

(5) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“2. Việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN áp dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN”.

☞ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không trái với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này”.

Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương trong quá trình thực hiện cần gia hạn do gặp phải thiên tai, dịch bệnh hoặc yếu tố khách quan khác (vấn đề KH&CN mới phát sinh trên đối tượng nghiên cứu, ứng dụng; bị phá hoại) làm ảnh hưởng đến kết quả nhiệm vụ mà tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ và thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ cần thiết phải vượt quá 36 tháng (bao gồm nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt quá 36 tháng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này) thì mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương quy định tại khoản này chỉ được gia hạn 01 (một) lần không quá 6 tháng đối với nhiệm vụ được phê duyệt không quá 36 tháng và gia hạn 01 (một) lần không quá 01 (một) năm đối với nhiệm vụ được phê duyệt vượt quá 36 tháng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này. Trình tự, thủ tục gia hạn nhiệm vụ thực hiện theo quy

định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.”.

(6) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Tổ chức chủ trì thực hiện trách nhiệm của bên B ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương với các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này”.

(7) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 14 như sau:

“5. Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, báo cáo Bộ KH&CN tình hình ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN năm 2013 và khoản 2 Điều 19 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sau khi tiếp nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương” ■

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM...

(Tiếp theo trang 2)

A1-ĐX-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, xem xét, đánh giá các đề xuất sản phẩm quốc gia từ bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với các sản phẩm quốc gia ưu tiên phát triển theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Trên cơ sở đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, xem xét, đánh giá,

trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia.

- Đối với các sản phẩm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 có nhu cầu tiếp tục hỗ trợ để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030, bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế tổng hợp nhu cầu, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ■

KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

 **UYÊN NHI**

Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (viết tắt là Chỉ số PII - Provincial Innovation Index) được Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và các cơ quan liên quan chính thức triển khai trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023.

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả Chỉ số PII năm 2023. Theo đó, điểm số Chỉ số PII của tỉnh Quảng Ngãi là 37.80 điểm, xếp hạng thứ 26/63 tỉnh thành trên toàn quốc; xếp hạng thứ 5/14 của nhóm Vùng kinh tế - xã hội Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; xếp hạng thứ 5/22 của Nhóm thu nhập trung bình.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 02/8/2024 về việc nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Ngãi.

Mục tiêu chung:

Cải thiện, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Ngãi. Triển khai đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST).

Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số PII, về phát triển KHCN&ĐMST; đồng thời triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

Mục tiêu cụ thể:

Năm 2024: Duy trì trong nhóm 30 địa phương dẫn đầu về Chỉ số PII, trong đó: Duy trì (nằm trong nhóm 20) đối với các trụ cột về thể chế và trình độ phát triển của thị trường; Phấn đấu cải thiện và nâng cao thứ hạng (nằm trong nhóm 40) đối với các trụ cột về vốn con người, nghiên cứu và phát triển; Phấn đấu cải thiện và nâng cao thứ hạng (nằm trong nhóm 30) đối với các trụ cột về cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của doanh nghiệp, sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ và tác động.

Đến năm 2025 và những năm tiếp theo, Quảng Ngãi phấn đấu thuộc nhóm các địa phương duy trì trong nhóm 20-25 tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chỉ số PII.

Theo đó, nhiệm vụ và giải pháp của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện là:

Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần: “Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ)”; “Số tổ chức khoa học và công nghệ/10.000 dân”; “Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)”; “Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp”; “Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo”; “Doanh nghiệp có chứng

(Xem tiếp trang 8) 

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI

 ANH MINH

UBND tỉnh vừa ban hành Quyết định số 625/QĐ-UBND về Kế hoạch đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi, thay thế Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Ngãi.

Mục đích của việc đánh giá Chuyển đổi số nhằm thực hiện đo lường kết quả chuyển đổi số hằng năm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để đánh giá kết quả Chuyển đổi số, làm cơ sở hoạch định chính sách, kế hoạch về Chuyển đổi số hằng năm nhằm đạt thứ hạng cao trong đánh giá Chuyển đổi số quốc gia và thúc đẩy Chuyển đổi số ở tỉnh Quảng Ngãi.

Xếp hạng kết quả Chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số; làm cơ sở đánh giá thi đua, khen thưởng trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số hằng năm của các đơn vị.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị được đánh giá Chuyển đổi số theo Kế hoạch này là các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã; Các cơ quan, đơn vị, địa phương có công chức tham gia Hội đồng Thẩm định Chỉ số Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng Thẩm định Chỉ số Chuyển đổi số cấp; Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia cung cấp thông tin phục vụ đánh giá, thẩm định kết quả đánh giá.

Nội dung đánh giá Chuyển đổi số gồm việc đánh giá Chuyển đổi số đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và với UBND xã, phường, thị trấn.

Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số được nghiên cứu, điều chỉnh, cập nhật phù hợp chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành và Lãnh đạo tỉnh trong quá trình áp dụng.

Nguyên tắc đánh giá chuyển đổi số theo Kế hoạch này được tổ chức định kỳ hằng năm. Việc xác định chỉ số cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan và công bằng kết quả chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của BTV Tỉnh ủy về Chuyển đổi số và các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến chuyển đổi số. Việc đánh giá bảo đảm tính trung thực, công khai, khách quan, nguồn thông tin có độ tin cậy và chính xác; không đánh giá những nội dung, tài liệu không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; đồng thời xem xét cơ chế điểm khuyến khích đối với những sáng kiến, phương thức mới trong công tác tổ chức triển khai, đạt hiệu quả tốt. Kết quả đánh giá Chuyển đổi số được xem xét phê duyệt, công bố ngay sau khi hoàn thành việc thẩm định, làm cơ sở đánh giá thi đua, khen thưởng trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung, chỉ số đánh giá.

Quy trình đánh giá đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá tiến hành rà soát, tự đánh giá, chấm điểm (*kèm theo tài liệu* 

liệu kiểm chứng) để xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các chỉ số được quy định trong Bộ chỉ số Đánh giá Chuyển đổi số (*tự đánh giá trên Hệ thống DTI Quảng Ngãi*). Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thực hiện đánh giá, thẩm định (lần 1) kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trên cơ sở kết quả đánh giá, thẩm định lần 1, các cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá bổ sung giải trình, bao gồm bổ sung tài liệu kiểm chứng. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thực hiện đánh giá, thẩm định (lần 2) kết quả rà soát tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Quy trình đánh giá đối với UBND các xã, phường, thị trấn: UBND cấp xã tiến hành rà soát, tự đánh giá, chấm điểm (kèm theo tài liệu kiểm chứng) để xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các chỉ số được quy định trong Bộ chỉ số Đánh giá Chuyển đổi số (*tự đánh giá trên Hệ thống DTI Quảng Ngãi*). Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện là đơn vị đầu mối hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh và nội dung hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện. Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp huyện thực hiện đánh giá, thẩm

định (lần 1) kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các địa phương. Trên cơ sở kết quả đánh giá lần 1, UBND cấp xã bổ sung giải trình, bao gồm bổ sung tài liệu kiểm chứng. Hội đồng thẩm định cấp huyện thực hiện đánh giá, thẩm định (lần 2) kết quả rà soát tự đánh giá, chấm điểm của UBND cấp xã.

UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì triển khai Kế hoạch Đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Cục Thống kê và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn về nội dung đánh giá Chuyển đổi số hàng năm.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Đánh giá Chuyển đổi số hàng năm theo Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành việc tham mưu kết quả xếp hạng Chuyển đổi số trước ngày 15/12 hàng năm.

Vận hành Hệ thống DTI Quảng Ngãi; thiết lập các Bộ Chỉ số Đánh giá Chuyển đổi số trên Hệ thống DTI Quảng Ngãi trong Quý III hàng năm; tổ chức công tác tập huấn, hướng dẫn các cán bộ, công chức có liên quan đến việc khai thác, sử dụng Hệ thống DTI Quảng Ngãi ■

KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ...

(Tiếp theo trang 6)

chỉ ISO”, nhóm chỉ số “Tài sản vô hình”; “Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đủ điều kiện là doanh nghiệp khoa học và công nghệ”; “tỉ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo”.

Tham mưu phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức,

cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương ■

ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

 DUNG NGUYỄN



Đồng chí Huỳnh Thành Đạt, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ KH&CN và đồng chí Bùi Thị Quỳnh Vân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh phát biểu tại buổi làm việc.

Vừa qua, Đoàn công tác của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) do đồng chí Huỳnh Thành Đạt, Ủy viên BCH Trung ương Đảng làm Trưởng đoàn đã có chuyến thăm và làm việc với tỉnh Quảng Ngãi về tình hình hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo (ĐMST) phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; định hướng hoạt động KH&CN và ĐMST của tỉnh trong thời gian đến.

Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Hoàng Tuấn đã cáo cáo với Đoàn công tác về hoạt động KH&CN và ĐMST trên

địa bàn tỉnh trong thời gian qua luôn bám sát các chủ trương, chính sách, quy định của các Đảng, Chính phủ và các cơ quan trung ương.

Hoạt động khởi nghiệp ĐMST và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST có bước phát triển. Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng ngày càng được chú trọng. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu công nghiệp, an toàn bức xạ được quan tâm thực hiện, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm. Năm

☛ 2023, Chỉ số ĐMST cấp địa phương PII của tỉnh đạt 37,80 điểm, xếp hạng thứ 26/63 tỉnh, thành phố.

Quảng Ngãi kiến nghị Bộ KH&CN cùng các bộ, ngành liên quan sớm tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, chấp nhận rủi ro trong hoạt động nghiên cứu KH&CN. Sớm ban hành thông tư hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển và chuyển giao ứng dụng KH&CN vào thực tiễn. Đồng thời, nghiên cứu quy định hình thức hỗ trợ phù hợp, hiệu quả cho doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

Phát biểu tại buổi làm việc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt ghi nhận những nỗ lực của tỉnh trong công tác hỗ trợ, tạo điều kiện cho ngành KH&CN phát triển. Đồng thời Bộ trưởng Bộ KH&CN cũng đề nghị tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ để xây dựng chính sách KH&CN phù hợp với thực tiễn của địa phương. Có chủ trương phối hợp giữa trường đại học địa phương với các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài. Quan tâm, huy động nguồn ngân sách hỗ trợ cho trường đại học địa phương trở thành chủ thể nghiên cứu để phối hợp với doanh nghiệp thúc đẩy ĐMST.

Cũng trong chuyến thăm lần này, Đoàn đã đến thăm và làm việc tại một số doanh nghiệp, đơn vị tại tỉnh Quảng Ngãi.

Tại buổi làm việc tại Trường ĐH Phạm Văn Đồng, Hiệu trưởng Trần Đình Thám cho biết, Trường hiện đang triển khai đào tạo 14 ngành với gần 5.000 sinh viên, học viên theo các loại hình đào tạo. Hằng năm, Trường ĐH Phạm Văn Đồng cung cấp cho thị trường lao động từ 700 - 1.000 cử nhân, kỹ sư có năng lực, đáp ứng tốt nhu cầu của đơn vị sử dụng



Đoàn công tác của Bộ KH&CN làm việc với Trường ĐH Phạm Văn Đồng.

lao động.

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) luôn được nhà trường coi trọng và đẩy mạnh. Chỉ tính riêng trong 5 năm (2019-2024) đã có 89 đề tài NCKH được triển khai, trong đó có 70 đề tài cấp trường, 17 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài Nafosted. Cán bộ giáo viên của trường đã công bố 235 công trình khoa học, trong đó có 158 công bố trong nước và 77 công bố quốc tế. Các sản phẩm NCKH của nhà trường có chất lượng tốt, đã tham gia và đạt nhiều giải cao tại các cuộc thi về NCKH tại địa phương và toàn quốc.

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt đánh giá cao những kết quả đạt được của nhà trường trong suốt chặng đường 48 năm xây dựng và phát triển với những kết quả đáng được ghi nhận. Trường đã được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (2012 và 2017), cùng nhiều cờ thi đua, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt, tháng 10/2017, Trường được nhận Huân chương Hữu nghị Việt Lào vì với nhiều đóng góp cho quá trình đào tạo lưu học sinh Lào.

Bộ trưởng mong muốn nhà trường tiếp tục tăng cường hoạt động nghiên cứu KH&CN và đổi mới sáng tạo, phát triển lên một tầm



Đoàn công tác của Bộ KH&CN làm việc với Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi

cao mới, xứng đáng với tên gọi mang tên cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Trong thời gian tới, Bộ trưởng yêu cầu Ban Giám hiệu nhà trường tiếp tục xây dựng và phát triển Trường ĐH Phạm Văn Đồng gắn với nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; đào tạo gắn kết chặt chẽ với NCKH, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và theo nhu cầu của thị trường lao động, phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

Tại Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi, báo cáo tại buổi làm việc, Tổng Giám đốc Công ty CP Đường Quảng Ngãi Võ Thành Đảng cho biết, Công ty có 17 đơn vị thành viên, là một trong những đơn vị tiên phong trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN và đầu tư phát triển mở rộng kinh doanh. Các nhà máy được đầu tư, trang bị hệ thống máy móc hiện đại, tự động hóa với quy trình sản xuất khép kín đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và thân thiện với môi trường như Nhà máy Đường An Khê với dây chuyền sản xuất đường từ mía công suất 18.000-20.000 tấn mía/ngày, hệ thống

sản xuất đường tinh luyện công suất 1.000 tấn/ngày; Nhà máy điện sinh khối An Khê công suất phát điện 95 MW, phát điện lên hệ thống điện lưới quốc gia trên đường dây 220 KV; Nhà máy bia Dung Quất công suất 100 triệu lít/năm; 3 Nhà máy sản xuất sữa đậu nành Vinasoy tại Quảng Ngãi, Bắc Ninh và Bình Dương với công suất 390 triệu lít/năm. Thương hiệu Vinasoy nằm trong Top 5 Nhà sản xuất sữa đậu nành lớn nhất thế giới...

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt đánh giá cao kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty CP Đường Quảng Ngãi cũng như nỗ lực và thành tích của công ty trong lĩnh vực nghiên cứu KH&CN để nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần tích cực trong tăng doanh thu cho doanh nghiệp. Bộ trưởng cũng nhấn mạnh vị trí trụ cột, trung tâm của hệ thống ĐMST và mong rằng công ty tiếp tục thúc đẩy, phát huy mối liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Với những khó khăn, vướng mắc của công ty, Bộ KH&CN ghi nhận và tiếp tục nghiên cứu, đồng hành trong việc hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng KH&CN, góp phần nâng cao vị thế, chất lượng, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước ■

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

MINH KHUÊ

Thời gian qua, công tác chuyển đổi số được Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) triển khai tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan; tạo nền tảng vững chắc cho phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Sở KH&CN đã tập trung chỉ đạo nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT, mạng LAN và kết nối sử dụng Internet băng thông rộng trong toàn bộ cơ quan, nhằm đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử; duy trì vận hành phần mềm văn phòng điện tử iOffice-VNPT để phục vụ trong công tác quản lý và điều hành.

Sở KH&CN cũng đã đầu tư các biện pháp, trang thiết bị bảo đảm về an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng nội bộ Sở. Tham gia và triển khai hệ thống chứng thực điện tử, chữ ký số và các biện pháp, giải pháp bảo vệ thông tin bí mật nhà nước. Triển khai hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin cấp 2 đã được phê duyệt và xây dựng Hệ thống Hội nghị trực tuyến. Triển khai thực hiện 02 cơ sở dữ liệu dùng chung: Phần mềm thư viện số về thông tin khoa học và phần mềm thực hiện



Phần mềm thư viện số về thông tin khoa học
(<https://thuvienkhcn.quangngai.gov.vn/>).



Phần mềm thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng (<https://doluongthunghiem.quangngai.gov.vn/>).

(Xem tiếp trang 19) ➔

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI “XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TIẾNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT - HRÊ, VIỆT - CO”

✍️ TRẦN DUY LINH(*)



Hội thảo khoa học giới thiệu về kết quả của đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt - Hrê, Việt - Co”.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi chưa có bộ Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số tiếng Hrê, Co nào để phục vụ học tập, tra cứu tiếng Hrê, Co trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co là hết sức cần thiết nhằm thu hẹp khoảng cách giao tiếp, ngôn ngữ, giúp cho người đồng bào dân tộc thiểu số học hỏi, nâng cao kiến thức, hòa nhập với sự phát triển chung của tỉnh, của đất nước; đồng thời

cũng giúp cho các cá nhân người Kinh đang làm việc với người đồng bào có thể hiểu và giao tiếp thuận lợi hơn, qua đó truyền đạt các kiến thức, các chủ trương, chính sách của chính quyền đến người đồng bào, tiếp thu kinh nghiệm và các vấn đề của người đồng bào được sâu sắc hơn. Bên cạnh đó, việc xây dựng CSDL điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co cũng là một hình thức số hoá tiếng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Ngãi.

Đề tài đã được phê duyệt

tại Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai thực hiện năm 2022.

1. Kết quả đạt được của đề tài:

Gần 18 tháng nghiên cứu, thực hiện, nhóm thực hiện Đề tài đã hoàn thành bốn nhiệm vụ lớn đã đặt ra, với các sản phẩm đạt yêu cầu, gồm: Sản phẩm kho ngữ vựng Việt – Hrê, Việt – Co với trên 3.000 từ, có phát âm từ giọng nam và giọng nữ; sản phẩm công cụ hỗ trợ gõ

(*) Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi

tiếng dân tộc (Hrê, Co); sản phẩm bộ phần mềm Cơ sở dữ liệu điện tử Việt – Hrê, Việt – Co, với hai phiên bản là bản web “Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co”, được cài đặt trên hệ thống máy chủ do đơn vị chủ trì vận hành, hoạt động trên môi trường mạng tại tên miền <https://csdlhreco.nuian.vn/> và app Hre – Co – Việt cho thiết bị di động trên kho ứng dụng App Store và Google Play cho hai dòng máy sử dụng hệ điều hành iOS và Android; sản phẩm Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng hệ thống nhận diện giọng nói tiếng dân tộc và tích hợp vào hệ thống CSDL điện tử: đã được nghiên cứu thành công và tích hợp và cả hai phiên bản web và app, cho phép tra cứu từ bằng âm thanh tiếng Hrê, tiếng Co. Ngoài ra, còn có các báo cáo khoa học và

công nghệ theo từng chuyên đề nghiên cứu, các bài báo khoa học công nghệ được đăng tải trên các tạp chí uy tín của ngành, phim tư liệu để quảng bá sản phẩm.

Sản phẩm của Đề tài triển khai ứng dụng vào thực tế dự kiến sẽ mang lại nhiều hiệu quả trên nhiều lĩnh vực:

Hiệu quả về kinh tế - xã hội: Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co sẽ là công cụ quan trọng phục vụ việc học tập, tra cứu tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co một cách nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm, phục vụ đông đảo các đối tượng có nhu cầu học và tìm hiểu tiếng đồng bào dân tộc thiểu số như: cán bộ công chức, viên chức, giáo viên, sinh viên, học sinh, người dân,... góp phần thiết thực giảm bất đồng ngôn ngữ, xóa bỏ

dần khoảng cách giữa người Kinh và người Hrê, Co, tích cực phục vụ cho công tác tuyên truyền các chủ trương, triển khai các chính sách đến người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Hiệu quả về văn hóa: Đề tài góp phần kịp thời bảo tồn nguồn dữ liệu tiếng đồng bào dân tộc thiểu số tiếng Hrê, Co tại tỉnh Quảng Ngãi, tránh mai một bằng cách số hóa dữ liệu cả dạng văn bản và âm thanh.

Việc thu thập, lưu trữ để xây dựng kho dữ liệu ngữ vựng dạng số của tiếng Hrê, Co không chỉ giúp cho người bản ngữ có ý thức bảo tồn, phát triển tiếng mẹ đẻ, mà còn hình thành một kho tài nguyên thông tin đầy đủ, chân thực, giúp cho các thế hệ nghiên cứu hiện tại và sau này có tư liệu chính xác. Đồng thời, góp phần gìn giữ cho các thế hệ sau không chỉ ngôn ngữ mà còn những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc của người đồng bào dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

Hiệu quả về khoa học công nghệ: Đề tài đã tạo ra một cơ sở dữ liệu số đầu tiên về ngôn ngữ các đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời là công cụ phục vụ đặc lực cho việc nghiên cứu, tra cứu, học tập,... góp phần thay đổi phương pháp học tập bằng cách ứng dụng công nghệ



Giao diện website “Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co” (<https://csdlhreco.nuian.vn/>).

☞ thông tin cũng như sử dụng các hệ thống thông tin điện tử.

Thông qua quá trình nghiên cứu, thực hiện các nội dung công việc của Đề tài, các thành viên tham gia thực hiện Đề tài đã được tiếp cận với những công nghệ mới, chuyên sâu về công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Đây sẽ là nguồn nhân lực quan trọng của tỉnh hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển khoa học công nghệ trong quá trình chuyển đổi số đang diễn ra hết sức mạnh mẽ hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Kết quả triển khai thử nghiệm và định hướng phát triển, nhân rộng sản phẩm

2.1. Kết quả triển khai thử nghiệm

Để triển khai thử nghiệm và phát huy hiệu quả của sản phẩm Đề tài đưa sản phẩm đi vào sử dụng trong thực tế, nhóm nghiên cứu đã thực hiện:

(1) Hướng dẫn khai thác Cơ sở dữ liệu điện tử Hrê, Co thông qua các lớp tập huấn tại 5 huyện miền núi của tỉnh: Đơn vị chủ trì thực hiện Đề tài đã phối hợp với Ban dân tộc tỉnh tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn quản lý và hướng dẫn khai thác CSDL điện tử cho các đối tượng sử dụng. Các lớp tập huấn đã có gần 300 học



Hướng dẫn khai thác Cơ sở dữ liệu điện tử Hrê, Co tại lớp tập huấn ở huyện Sơn Hà.

viên được giới thiệu về sản phẩm (gồm phiên bản web và app), được hướng dẫn các thao tác để khai thác, sử dụng các tính năng của CSDL điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co, biết cách gửi đóng góp về CSDL điện tử. Qua các lớp tập huấn, nhóm thực hiện Đề tài cũng được tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với đa dạng các đối tượng sử dụng, qua đó nắm bắt thêm những ý kiến, góp ý từ các học viên để hoàn thiện thêm sản phẩm, giúp sản phẩm ngày càng dễ dùng hơn, hiệu quả hơn với đông đảo người dân.

(2) Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, nền tảng số: Đơn vị chủ trì chủ động trong việc quảng bá và tuyên truyền sản phẩm Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số

Việt – Hrê, Việt – Co trên các phương tiện truyền thông, nền tảng số như Zalo, Facebook, các trang thông tin điện tử và các nền tảng số khác. Nhờ vào đó, thu hút được sự quan tâm của đông đảo cộng đồng mạng và các nhóm quan tâm đến bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc.

(3) Giới thiệu đến Tổ Công nghệ số cộng đồng:

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, hiện đã thành lập tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, với tổng cộng hơn 1.140 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 173 xã, phường, thị trấn và 954 thôn, tổ dân phố trong tỉnh với hơn 7.500 thành viên tham gia. Năm bắt được vai trò, lợi thế và khả năng lan tỏa mạng lưới này tại địa phương, nhóm thực hiện Đề tài đã giới thiệu sản phẩm Cơ sở dữ liệu Hrê Co đến với mạng lưới Tổ

☞ Công nghệ số cộng đồng, xem nơi đây là phương thức quan trọng trong việc phổ biến sản phẩm đến các cộng đồng người dân trên toàn tỉnh. Hình thức triển khai giới thiệu sản phẩm đến mạng lưới Tổ Công nghệ số cộng đồng sẽ là thiết kế tờ rơi dạng giấy và poster dạng điện tử để phát và gửi đến thành viên của tổ. Tờ rơi, poster cần thể hiện được thông tin giới thiệu của sản phẩm, cách truy cập để cài đặt, khai thác, sử dụng. Các nội dung trên tờ rơi, poster được thể hiện ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm để phục vụ đối tượng người sử dụng là người dân.

(4) Kết hợp giới thiệu, triển khai trong các lớp bồi dưỡng tiếng Hrê, Co: Hằng năm, Sở Nội vụ phối hợp Trường Đại học Phạm Văn Đồng tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Hrê, Co cho các đối tượng cán bộ công chức, viên chức, giáo viên làm việc tại các huyện miền núi.

Trong các thành viên thực hiện chính của Đề tài, có 03 thành viên hiện đang công tác tại trường Đại học Phạm Văn Đồng, trong đó có 01 thành viên có chuyên môn về ngôn ngữ; đồng thời có 02 thành viên là chuyên gia về ngôn ngữ Hrê và Co, hiện cũng đang làm báo cáo viên giảng dạy tại các lớp bồi dưỡng nêu trên. Thông

qua các đầu mối là thành viên thực hiện của Đề tài, sản phẩm sẽ dễ dàng kết nối vào công tác dạy và học tại trường, giới thiệu cho học viên khai thác trong các lớp bồi dưỡng tiếng Hrê, Co. Thông qua đó, vừa giúp công tác đào tạo tập huấn của Trường được sinh động, thuận tiện, hiệu quả hơn, đồng thời góp phần lan tỏa, nâng cao tính dụng của sản phẩm Đề tài.

(5) Kết hợp giới thiệu, triển khai trong các lớp tập huấn công tác dân tộc:

Đơn vị chủ trì thực hiện Đề tài sẽ phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, phòng dân tộc các huyện có người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống để đặt banner liên kết đến sản phẩm Đề tài trên các trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc tỉnh. Đồng thời, đơn vị phối hợp thực hiện Đề tài là Ban Dân tộc tỉnh đã và sẽ kết hợp giới thiệu và triển khai sản phẩm cơ sở dữ liệu Hrê Co trong các lớp tập huấn công tác dân tộc hằng năm do Ban Dân tộc tỉnh hoặc phòng dân tộc các huyện tổ chức, giúp mở rộng phạm vi ứng dụng của Đề tài đến các địa phương trong thời gian sau khi Đề tài kết thúc. Thông qua đó, góp phần tăng cường sự phát triển và bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa của người dân tộc Hrê, Co.

(6) Giới thiệu trong các

Hội thảo chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ trí tuệ nhân tạo AI trong xử lý ngôn ngữ hoặc chuyên đề về nghiên cứu, bảo tồn ngôn ngữ tiếng đồng bào dân tộc thiểu số:

Trong phạm vi của Đề tài, có tổ chức 01 Hội thảo cấp tỉnh để giới thiệu về kết quả của Đề tài. Hội thảo mời đại biểu từ Ban Dân tộc một số tỉnh lân cận và Viện Ngôn ngữ học để tăng cường giới thiệu kết quả của Đề tài đến phạm vi bên ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, có thể nhận báo cáo tham luận tại các Hội thảo chuyên đề về một số chủ đề mà Đề tài đã nghiên cứu thành công như: ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI trong nhận diện giọng nói tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Hrê, Co.

Thông qua việc triển khai các mô hình ứng dụng sản phẩm, đến nay, web “Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co” sự quan tâm, khai thác sử dụng của hơn 32.000 lượt truy cập, và app Hre – Co – Việt đã có hơn 400 lượt tải và cài đặt ứng dụng.

Phần lớn sau khi triển khai thử nghiệm, thông qua trước tiếp (lớp tập huấn), gián tiếp (qua nền tảng số), đồng đảo người sử dụng cho biết sản phẩm rất dễ sử dụng và hữu ích, giúp việc học tiếng Hrê, Co trở nên thuận ☞

tiện và dễ dàng hơn bao giờ hết. Đồng thời, người sử dụng cũng góp ý thêm để hoàn thiện sản phẩm như: có thể bổ sung các từ ghép từ các từ đơn, bổ sung chức năng cho tra cứu từ theo lĩnh vực để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu sử dụng của người dùng. Ngoài ra đối với tiếng Hrê, có thể bổ sung thêm ghi chú vùng (Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây) sử dụng đối với một số từ có sự khác biệt giữa các vùng để giúp người tra cứu hiểu hơn về tính đa dạng của ngôn ngữ tiếng đồng bào dân tộc thiểu số (có một số khác biệt giữa tiếng Hrê “đường nước” và “đường rừng”).

2.2 Định hướng phát triển, nhân rộng kết quả Đề tài

Trong phạm vi thực hiện Đề tài, nhóm thực hiện đã thu thập và đưa vào cơ sở dữ liệu trên 3.000 từ tiếng Hrê và tiếng Co. Để tiếp tục phát huy, tiếp tục thu thập, làm giàu dữ liệu tiếng Hrê, Co thông qua kênh tiếp nhận các đóng góp cho cơ sở dữ liệu từ nguồn người sử dụng. Tính năng “Đóng góp cho CSDL” đã được xây dựng trên cả hai phiên bản web và app của phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử, cho phép người sử dụng có thể dễ dàng nhập và gửi các đóng góp là chữ viết, hình ảnh, âm thanh về hệ thống. Từ nguồn dữ liệu thu thập phong phú và rộng

rãi trong cộng đồng, sẽ là cơ sở để nhóm thực hiện có thể biên tập, chuẩn hóa, bổ sung, làm giàu cho cơ sở dữ liệu.

Những nghiên cứu thành công về kỹ thuật, công nghệ

triển, nhân rộng kết quả đã đạt được như: ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Mô hình nhận dạng lời nói tiếng đồng bào dân tộc thiểu số, số hóa, xây dựng CSDL đối với các tiếng đồng bào dân tộc khác trên cả nước.



ThS. Trần Duy Linh, chủ nhiệm đề tài trình bày nội dung tham luận tại Hội thảo khoa học giới thiệu về kết quả của đề tài.

của Đề tài như ứng dụng công nghệ AI nhận diện giọng nói tiếng Hrê, Co; phương pháp để tích hợp bộ mã Unicode để xây dựng bộ gõ tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Hrê, Co; ứng dụng thuật toán khoảng cách Levenshtein để tìm và gợi ý từ gần đúng khi tra cứu,... cũng gợi mở cho các nghiên cứu khoa học tiếp theo về ứng dụng công nghệ AI nhận diện giọng nói vào lĩnh vực ngôn ngữ, ví dụ: Có thể ứng dụng Generative AI – AI tạo sinh để phát triển thêm tính năng nhận diện câu, dịch câu, dịch đoạn văn.

Bên cạnh đó, Đề tài sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát

Kết luận:

Việc nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co là cần thiết và sẽ mang lại nhiều lợi ích, giá trị to lớn cho cộng đồng. Đây sẽ là nơi lưu giữ ngôn ngữ truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, đồng thời qua đó cũng sẽ lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống, hình ảnh, phong tục, tập quán và văn hoá của họ, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống độc đáo của mỗi dân tộc, cùng hòa vào dòng chảy phát triển chung của tỉnh ta nói riêng và đất nước nói chung ■

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐO LƯỜNG, GHI NHÃN HÀNG HÓA ĐỐI VỚI HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

✍ HỒNG CẨM

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 75/QĐ-SKHCN ngày 02/7/2024 kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, ghi nhãn hàng hóa đối với hàng đóng gói sẵn của các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức kiểm tra trực tiếp tại 15 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh. Tổng số lô hàng được kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn là 11 lô và tổng số cơ sở được kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn là 11/15 cơ sở.

Kết quả kiểm tra về nhãn hàng hoá là có 15/15 cơ sở ghi nhãn hàng hoá đúng quy định theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hoá; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày



Kiểm tra các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn. Tuy nhiên, có 01/15 cơ sở có nhãn hàng hoá ghi “khối lượng tịnh” mà ghi “khoảng” là chưa phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN; 01/15 cơ sở có nhãn hàng hoá ghi “khối lượng tịnh” mà ghi trị

số khối lượng và đơn vị đo khối lượng chưa cách một ô trống là chưa phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN; 02/15 cơ sở có nhãn hàng hoá lấy tên của thành phần được sử dụng làm tên của hàng hóa nhưng thành phần chưa ghi định lượng là chưa đúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày

☞ 14/4/2017 của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn tại 11/15 cơ sở. Kết quả là 11 lô hàng của 11 cơ sở đều đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; 03 cơ sở không có hàng để kiểm tra do hết thời vụ, cơ sở dừng sản xuất; 01 cơ sở không đủ hàng để kiểm tra; do đó không thực hiện được kiểm tra đo lường hàng đóng gói sẵn.

Qua công tác kiểm tra cho thấy các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn của tỉnh đều thực hiện đúng quy định của pháp luật về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn và thực hiện việc ghi nhãn hàng hóa đảm bảo quy định. Tuy vậy, vẫn

còn một số cơ sở chưa tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật các quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, thế nên việc thực hiện ghi nhãn hàng hóa chưa phù hợp theo quy định. Vì thế, Đoàn kiểm tra đã tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ sở thực hiện việc ghi nhãn hàng hóa đúng quy định của pháp luật để các cơ sở khắc phục và thực hiện tốt hơn trong thời gian đến.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, ghi nhãn hàng hóa đối với hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao nhận thức cho các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; đồng thời tăng cường vai trò quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ■

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 12)

dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng; qua đó góp phần nâng cao năng lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện công tác hiện đại hóa nền hành chính, Sở đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ hành chính công trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh nhằm đẩy mạnh tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến tại Sở. Triển khai sử dụng biên lai điện tử và thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính (TTHC) đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Thực hiện công tác đấu thầu qua mạng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm thiểu TTHC. Công tác tiếp nhận, giải quyết được thực hiện đúng quy

định, không gây phiền hà cho người dân khi đến giao dịch TTHC. Đến 30/10/2024, Sở KH&CN đã tiếp nhận 134 hồ sơ và 100% hồ sơ đúng hạn, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến 86.57%.

Ông Trần Công Hòa, Phó Giám đốc Sở KH&CN cho biết: Để nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số, thời gian tới Sở KH&CN tập trung ứng dụng CNTT với đẩy mạnh cải cách hành chính trên cơ sở ứng dụng thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và kỹ năng chuyển đổi số cho công chức, viên chức và người lao động của Sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành. Phấn đấu nâng số lượng TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ. Đồng thời, thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế trong triển khai thực hiện chuyển đổi số của đơn vị, đề ra thực hiện những giải pháp mới đạt hiệu quả hơn ■

DỰ ÁN “VINARONGBIEN” - GIẢI NHÌ CUỘC THI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI LẦN THỨ 5

✍ HÀ ANH



Trong 10 ý tưởng, dự án vào Chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 5, dự án “VINARONGBIEN” của chị Lê Thị Thanh Thanh ở thôn Đông An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi đã xuất sắc đạt giải Nhì tại Cuộc thi.

Là người con của vùng đảo Lý Sơn, sinh ra và lớn lên với nghề rong biển; chị Lê Thị Thanh Thanh hiểu những vất vả, mất mát mà chỉ có những người làm rong biển mới hiểu hết được. Vì vậy, chị Thanh luôn tìm tòi và mong muốn phát triển nghề rong biển để giúp người dân ở đảo có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Nắm bắt nhu cầu của thị trường hiện nay đang “hít” dòng sản phẩm rong biển có giá trị dinh dưỡng cao đối với người tiêu dùng, hơn nữa việc đa dạng sản phẩm thô

rong biển tự nhiên góp phần nâng cao giá trị rong biển Lý Sơn nói riêng và rong biển Việt Nam nói chung; chị Thanh đã xây dựng dự án “VINARONGBIEN”. Đây là dự án đầu tiên tại đảo Lý Sơn để giải quyết vấn đề về rong biển cho người dân ở đảo và mang cả tâm huyết của người con đất đảo muốn tìm ra một hướng đi mới cho nghề rong biển Lý Sơn. Để thực hiện dự án, từ nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương mình, chị Thanh phát triển thành hai dòng sản phẩm là mứt vinarongbien

và rong xanh tách nước vinarongbien để cung cấp cho người tiêu dùng. Đây đều là những sản phẩm hoàn toàn tự nhiên của biển đảo Lý Sơn, đảm bảo tiêu chí an toàn và vệ sinh thực phẩm, đem lại giá trị dinh dưỡng cao cho người sử dụng. Ưu điểm của sản phẩm dự án là rong biển Lý Sơn có thời gian chế tạo nhanh hơn so với rong biển nuôi; vì rong biển Lý Sơn có hàm lượng chất dinh dưỡng không bị mất đi nhiều khi sấy khô sản phẩm bằng công nghệ

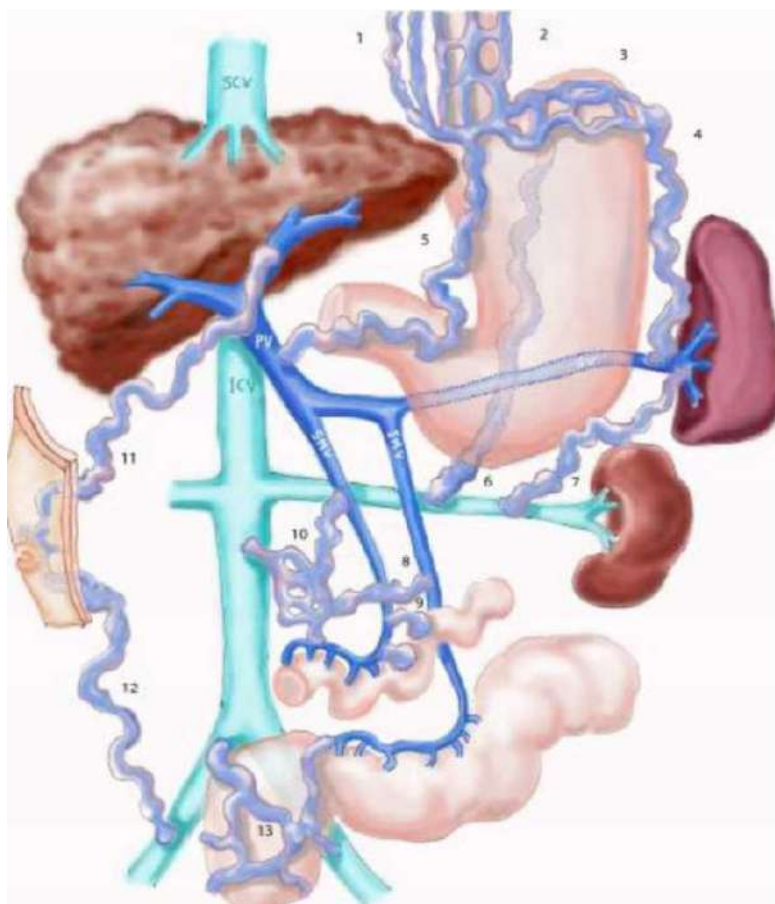
(Xem tiếp trang 24) ➡

Nghiên cứu giá trị tiên lượng của chỉ số MELD, MELDNa ở người bệnh xơ gan mất bù tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

✍ NGUYỄN TÚ

Xơ gan mất bù có nhiều biến chứng nguy hiểm đe dọa tử vong như xuất huyết tiêu hóa, nhiễm trùng, bệnh não gan, hội chứng gan thận, ung thư tế bào gan. Tiên lượng tử vong cao ở các bệnh nhân xơ gan mất bù đã thúc đẩy các bác sĩ phải tìm ra các hệ thống điểm tiên lượng chính xác hơn để phân tầng, theo dõi, cũng như tiếp cận biện pháp điều trị mới cho bệnh nhân.

Ở Việt Nam, ứng dụng của chỉ số MELD, MELDNa để đánh giá biến chứng và tỷ lệ tử vong ở bệnh nhân xơ gan chưa được nghiên cứu nhiều. Việc ghép gan là phương pháp điều trị mới cho bệnh nhân xơ gan và đang có nhu cầu ngày càng tăng, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi là bệnh viện hạng I nhưng hiện nay chưa triển khai kỹ thuật này. Với mong muốn tìm thang điểm có giá trị tiên lượng biến chứng, cũng như tử vong gần trong 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và nhằm mục đích dự phòng biến chứng tốt hơn, cũng như hướng dẫn, phân tầng, tiên lượng cho bệnh nhân có nhu cầu ghép gan; Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đề



Các shunt nối cửa - chủ ở bệnh nhân xơ gan
(Nguồn: Guillaume M, năm 2018).

tài “Nghiên cứu giá trị tiên lượng của chỉ số MELD, MELDNa ở người bệnh xơ gan mất bù tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi”.

Mục tiêu của đề tài là khảo sát chỉ số MELD, MELDNa ở những bệnh nhân xơ gan mất bù tại khoa Nội tiêu hóa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi; đánh giá giá trị của chỉ số MELD, MELDNa trong tiên lượng

các biến chứng và tử vong xảy ra trong vòng 3 tháng ở nhóm bệnh nhân này. Với mục tiêu đó, đề tài đã chọn được 110 bệnh nhân xơ gan mất bù khám và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu cho kết quả như sau:

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:

- Đặc điểm về tuổi: Tuổi

trung bình $55,52 \pm 13,3$; nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là > 60 tuổi (35,5%).

- Đặc điểm về giới: Có 110 bệnh nhân trong nghiên cứu trong đó số bệnh nhân nam 87, nữ 23 (nam 79,1%, nữ 20,9%); nhóm tuổi < 40 tuổi chỉ có bệnh nhân là nam giới.

- Phân bố theo nghề nghiệp, địa dư và dân tộc: Bệnh nhân thuộc dân tộc kinh chiếm đa số (79 bệnh nhân); bệnh nhân trong nhóm lao động chiếm 58,2%.

Đặc điểm về lâm sàng và cận lâm sàng của nhóm đối tượng nghiên cứu:

- Nguyên nhân xơ gan: Nguyên nhân do rượu chiếm đa số 63,6%, nhóm nguyên nhân do virus viêm gan B chiếm 20,0%, nguyên nhân do rượu và virus chiếm 8,2%, những nguyên nhân khác gồm do viêm gan tự miễn, xơ gan ứ mật và không rõ nguyên nhân chiếm 5,5%.

- Đặc điểm về triệu chứng lâm sàng: Triệu chứng chán ăn mệt mỏi chiếm nhiều nhất 73,6%, phù chi dưới có tỷ lệ 60,9%, báng chiếm 73,7% (báng độ 3 chiếm 32,7%, độ 2 chiếm 25,5%, độ 1 chiếm 15,5%), vàng da vàng mắt 57,3%, gan to có tỷ lệ thấp nhất 5,5%, lách to chiếm tỷ lệ 39,1%.

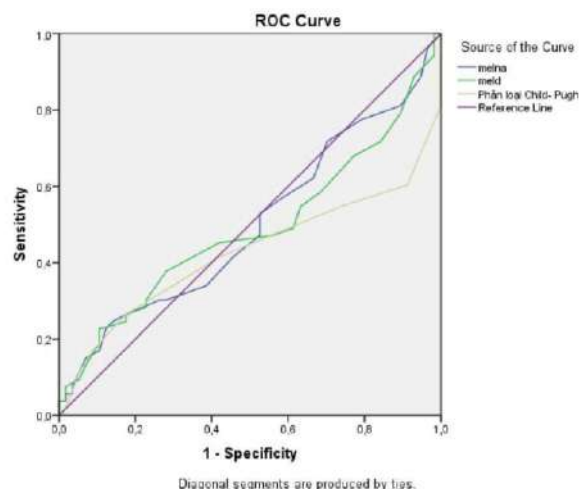
- Đặc điểm về cận lâm

sàng và một số yếu tố liên quan: Tỷ lệ bệnh nhân giảm tỷ prothrombin 63%; thiếu máu 68,2%, giảm tiểu cầu chiếm đa số 80,0%. Giá trị INR trung bình $1,6 \pm 0,9$; giá trị trung bình hồng cầu $3,2 \pm 1,1$ ($\times 10^{12}/L$). AST giá trị trung bình $188,8 \pm 395,8$ UI/L; ALT có giá trị trung bình $78,0 \pm 208,9$ UI/L; Albumin trung bình $26,4 \pm 5,8$ g/L. Tỷ lệ AST > 37 U/L chiếm đa số 92,7%; giảm Albumin chiếm tỷ lệ cao 93,6%; tỷ lệ ALT > 40 U/L chiếm 53,6%. Giá trị trung bình của Creatinine $95,1 \pm 42,6$ μ mol/L; giá trị trung bình của Natri máu $134,8 \pm 5,1$ mmol/L. Có 22 bệnh nhân có Natri máu < 130 mmol/L chiếm 20%, Natri máu thấp nhất 116 mmol/L. Đa số bệnh nhân có giãn tĩnh mạch thực quản, giãn độ 1 chiếm 26,4%; giãn độ 3 có tỷ lệ cao nhất 43,4%. Child - Pugh A chiếm tỷ lệ

thấp nhất và Child - Pugh B có tỷ lệ cao nhất. Xuất huyết tiêu hóa chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả theo dõi 3 tháng là 44,5% và 13,6%; tỷ lệ tử vong của nhóm nghiên cứu lúc nhập viện 9,1%, tỷ lệ tử vong thêm trong vòng 3 tháng 10,0%.

Đặc điểm chỉ số MELD, MELDNa và một số yếu tố liên quan:

- Chỉ số MELD, MELDNa ở nhóm bệnh nhân nghiên cứu: Chỉ số Child - Pugh trung bình 9,2, điểm MELD $16,3 \pm 7,3$, MELDNa $19,3 \pm 7,5$. Giá trị MELD ở nhóm tuổi < 40 là $20,1 \pm 6,8$, cao hơn các nhóm tuổi khác; sự khác biệt của giá trị MELD giữa các nhóm tuổi có ý nghĩa thống kê ($p = 0,015$). Giá trị Child - Pugh, MELD, MELDNa ở 2 giới không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).



Giá trị của MELD, MELDNa, Child - Pugh trong tiên lượng.

☞ - Chỉ số Child - Pugh, MELD, MELDNa theo nguyên nhân XG: Giá trị Child - Pugh, MELD không có sự khác biệt giữa các nhóm nguyên nhân XG; nhưng giá trị MELDNa giữa các nhóm nguyên nhân lại có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,02$).

- Mọi liên quan giữa chỉ số MELD, MELDNa với biến chứng XG: Giá trị MELD ở nhóm có 2 biến chứng là cao nhất $25,0 \pm 14,3$, tiếp theo là nhóm có 3 biến chứng và thấp nhất ở nhóm có bệnh não gan $10,0 \pm 9,4$; giá trị MELD giữa các nhóm biến chứng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,002$). Giá trị MELD có giá trị cao nhất ở nhóm có 2 biến chứng kết hợp, nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p = 0,11$). Giá trị MELDNa có giá trị cao nhất ở nhóm có 3 biến chứng kết hợp $28,5 \pm 9,2$, thấp nhất ở nhóm không có biến chứng với giá trị $18,3 \pm 5,7$; sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,004$). Giá trị MELDNa có giá trị cao nhất ở nhóm có 2 biến chứng kết hợp $26,7 \pm 2,5$, nhóm xuất huyết tiêu hóa có giá trị thấp nhất $17,0 \pm 6,9$; sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê ($p = 0,038$). Giá trị MELD, MELDNa đều không có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với biến chứng xuất huyết tiêu hóa ($p > 0,05$). Nhóm

bệnh nhân giãn tĩnh mạch thực quản độ 3 có tỷ lệ xuất huyết tiêu hóa 76,1%, mỗi liên quan giữa giãn tĩnh mạch thực quản và xuất huyết tiêu hóa có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$. Giá trị MELD, MELDNa ở nhóm bệnh nhân có bệnh não gan đều cao hơn nhóm bệnh nhân không có bệnh não gan, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Giá trị MELD, MELDNa ở nhóm bệnh nhân có hội chứng gan thận đều cao hơn nhóm bệnh nhân không có hội chứng gan thận, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Giá trị MELD, MELDNa không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhiễm trùng bàng ($p > 0,05$). Giá trị MELD, MELDNa ở nhóm bệnh nhân tử vong đều có giá trị cao hơn ở nhóm còn sống, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Giá trị của MELD, MELDNa trong tiên lượng một số biến chứng ở bệnh nhân xơ gan:

- Giá trị tiên lượng MELD, MELDNa với biến chứng xuất huyết tiêu hóa trong 3 tháng: Cả 3 chỉ số Child - Pugh, MELD, MELDNa đều không có giá trị tiên lượng xuất huyết tiêu hóa với diện tích dưới đường cong $< 0,5$.

- Giá trị tiên lượng MELD, MELDNa với biến

chứng bệnh não gan trong 3 tháng: Cả 3 chỉ số Child - Pugh, MELD, MELDNa đều có giá trị tiên lượng bệnh não gan với diện tích dưới đường cong đều $> 0,7$, Child - Pugh có giá trị tiên đoán cao nhất, MELDNa giá trị tiên đoán cao hơn MELD.

- Giá trị tiên lượng MELD, MELDNa với hội chứng gan thận trong 3 tháng: MELDNa giá trị tiên lượng biến chứng hội chứng gan thận tốt hơn MELD, Child - Pugh.

- Giá trị tiên lượng MELD, MELDNa, Child - Pugh với biến chứng nhiễm trùng bàng trong 3 tháng: Cả 3 chỉ số Child - Pugh, MELD, MELDNa đều có giá trị tiên lượng nhiễm trùng bàng với diện tích dưới đường cong đều $> 0,7$, Child - Pugh có giá trị tiên lượng cao nhất.

- Giá trị tiên lượng MELD, MELDNa với biến cố tử vong: Giá trị điểm cắt tối ưu của chỉ số MELD, MELDNa nhằm tiên lượng tử vong trong vòng 3 tháng kể từ khi nhập viện là MELD $> 16,5$ và MELDNa $> 21,5$, diện tích dưới đường cong ROC (AUC) lần lượt là 0,758 và 0,778; giá trị tiên lượng của MELDNa tốt hơn với độ nhạy 71,4% và độ đặc hiệu 75,4% ($p < 0,001$). MELDNa giá trị tiên đoán biến cố tử vong tốt hơn MELD, Child - Pugh. Với ☞

MELD < 16,5 là 62 bệnh nhân, có 57 bệnh nhân sống (91,93%), 5 bệnh nhân tử vong chiếm 8,07%; với MELD > 16,5 là 48 bệnh nhân, có 32 bệnh nhân sống (66,7%), 16 bệnh nhân tử vong chiếm 33,3%; sự khác biệt giữa 2 nhóm có ý nghĩa thống kê $p = 0,001$. Với MELDNa < 21,5 là 74 bệnh nhân, có 68 bệnh nhân sống (91,89%), 6 bệnh nhân tử vong (8,11%); với MELDNa > 21,5 là 36 bệnh nhân, có 21 bệnh nhân

sống (58,3%), 15 bệnh nhân tử vong (41,7%); sự khác biệt giữa 2 nhóm có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$.

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho việc tiên lượng khả năng sống còn đối với bệnh nhân xơ gan mất bù và đồng thời cũng tiên lượng được khả năng không xảy ra các biến chứng; từ đó, giúp cho quá trình điều trị cho bệnh nhân đạt hiệu quả cao ■

DỰ ÁN “VINARONGBIEN”...

(Tiếp theo trang 20)



Các sản phẩm của dự án vinarongbien được trưng bày, giới thiệu tại Lý Sơn Farm ở huyện Đảo Lý Sơn.

sấy chính vì vậy mà thời gian cho ra sản phẩm rong biển lên men nhanh và tiết kiệm hơn, không cần thêm chất kết dính khác như rong biển nuôi, độ tự nhiên trong sản phẩm rong biển Lý Sơn nhiều hơn rong biển nuôi, chất dinh dưỡng trong sản phẩm Lý Sơn cao hơn. Hơn nữa, rong biển Lý Sơn có các nhóm rong giống nhau về tính chất cách dùng, chính vì vậy việc sản xuất theo nhóm rong vừa gia tăng số lượng sản phẩm vừa đảm bảo hệ sinh thái biển Lý Sơn.

Trong một năm, nguồn rong biển thiên nhiên tại Lý Sơn có thể cung cấp cho dự án khoảng 50 tấn và dự án sẽ cho ra thị trường 28.800 sản phẩm mứt vinarongbien, 18.000 sản phẩm rong xanh tách nước vinarongbien. Tạo ra được sản phẩm thì cũng cần phải tìm kiếm thị trường để tiêu thụ và phát triển sản phẩm; dự án thực hiện phối hợp với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lý Sơn Farm và đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm ở các điểm bán hàng qua hội chợ, triển lãm,

chương trình xúc tiến thương mại hay trên các kênh mạng xã hội như tiktok shop, facebook, website...; hay trực tiếp ở các cửa hàng... nhằm cung cấp sản phẩm ra thị trường trong, ngoài tỉnh và hướng đến xuất khẩu để đưa sản phẩm đến với thị trường nước ngoài.

Hiện nay, để triển khai giai đoạn thực hiện, dự án đã đăng ký thành công thương hiệu cho sản phẩm; thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý cần thiết và thiết kế lại bao bì nhãn mác cho sản phẩm.

Dự án sẽ góp phần tạo ra hệ sinh thái bền vững về việc khai thác, bảo vệ và hái rong biển tại đảo Lý Sơn; giải quyết vấn đề đầu ra của sản phẩm rong biển ở Lý Sơn, nâng cao hiệu quả kinh tế biển tại đảo, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân nơi đây ■

30 ĐỀ TÀI ĐẠT GIẢI CUỘC THI SÁNG TẠO THANH THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG TỈNH QUẢNG NGÃI LẦN THỨ 9, NĂM 2024

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 9 đã thu hút 116 đề tài dự thi từ các Hội đồng Giám khảo ở các huyện của tỉnh gửi về. Ban tổ chức Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 9, năm 2024 đã công nhận và tặng thưởng Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 8, năm 2023 tại Quyết định số 279/QĐ-BTC ngày 22/8/2024 cho 30 đề tài xuất sắc của Cuộc thi, gồm: 01 giải Đặc biệt, 02 giải Nhất, 04 giải Nhì, 08 giải Ba và 15 giải Khuyến khích.

Giải Đặc biệt của Cuộc thi thuộc về đề tài “Robot trợ giúp người bị liệt sử dụng giọng nói Tiếng Việt” của em Võ Trung Nguyên, Trường THPT số 1 Đức Phổ, huyện Đức Phổ.

02 giải Nhất là “Giải pháp giảm ùn tắc giao thông tại ngã tư đèn xanh đèn đỏ có ứng dụng trí tuệ nhân tạo” của các em Đỗ Lê Chí Hùng, Đỗ Lê Diễm Hằng, Trường THCS Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi; “Xây dựng phần mềm hỗ trợ học tập môn Tin học” của các em Nguyễn Quốc Bảo, Phan Thanh Huy, Trường THPT Sơn Hà, huyện Sơn Hà.

04 giải Nhì, gồm: “Hệ thống chữa cháy từ xa” của các em Võ Lê Hoàng Anh, Trần Nguyên Long, Trường THCS Nguyễn Bá Loan, huyện Mộ Đức; “Máy thu dọn rác thải trên mặt nước được điều khiển từ xa và sử dụng năng lượng mặt



Hội đồng chấm giải Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 9 năm 2024.

trời” của các em Lê Thị Diệu My, Lê Nguyễn Minh Thư, Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa, huyện Tư Nghĩa; “Ứng dụng robot pha chế hóa chất trong phòng học bộ môn trường THPT” của em Đặng Thành Phát, Trường THPT Trần Quốc Tuấn, thành phố Quảng Ngãi; Mô hình: “Học tập; bảo tồn và quảng bá giá trị văn hóa truyền thống địa phương tỉnh Quảng Ngãi” của các em Bùi Chí Bảo, Nguyễn

Hoàng Phát, Trường THCS Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi

08 giải Ba, gồm: “Sản phẩm thân thiện với môi trường từ vỏ keo” của các em Huỳnh Thị Kim Nguyệt, Nguyễn Thị Thanh Diệp, Phạm Thị Trà My, Trường THPT Ba Tơ, huyện Ba Tơ; “Giải pháp ứng dụng mạng IoT cho hệ thống quản lý rác thải sinh hoạt thông minh” của các em Nguyễn Khắc Gia Bảo, Trương Quang

☞ Khôi, Trường THCS Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi; “Bộ công cụ giúp học sinh THCS nâng cao hiệu quả phát âm Tiếng Anh để đáp ứng chương trình GDPT 2018” của các em Tạ Lê Vũ Khang, Phạm Thị Phúc, Trường THCS Đức Thắng, huyện Mộ Đức; “Thiết bị sản xuất than hoạt tính tại gia đình” của các em Nguyễn Đức Hoàng Bảo, Nguyễn Trần Mỹ Kim, Trường THCS Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ; “Hệ thống phơi - sấy quần áo tự động” của các em Trần Ngọc Bảo Ngân, Nguyễn Chí Minh Hải, Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Mộ Đức; “Thiết bị đo điện kết hợp IOT” của các em Bùi Văn Quốc Khánh, Nguyễn Lương Thế Vũ, THPT số 2 Mộ Đức, huyện Mộ Đức; “Máy theo dõi sức khỏe” của các em Trần Ngọc Ánh Dương, Cao Minh Trí, Trường TH& THCS Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ; “Dung dịch GE – Phân bón hữu cơ rong biển” của các em Dương Huỳnh Gia Hân, Bùi Hoàng Lan, Trường THCS Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ.

15 giải Khuyến khích gồm: “Sử dụng cây lau sậy làm ống hút thay thế ống hút nhựa” của em Lê Phạm Kỳ Phương, Trường THCS Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi; “Chế tạo chাম lượng tử carbon từ vỏ trấu ứng dụng trong nông nghiệp” của các



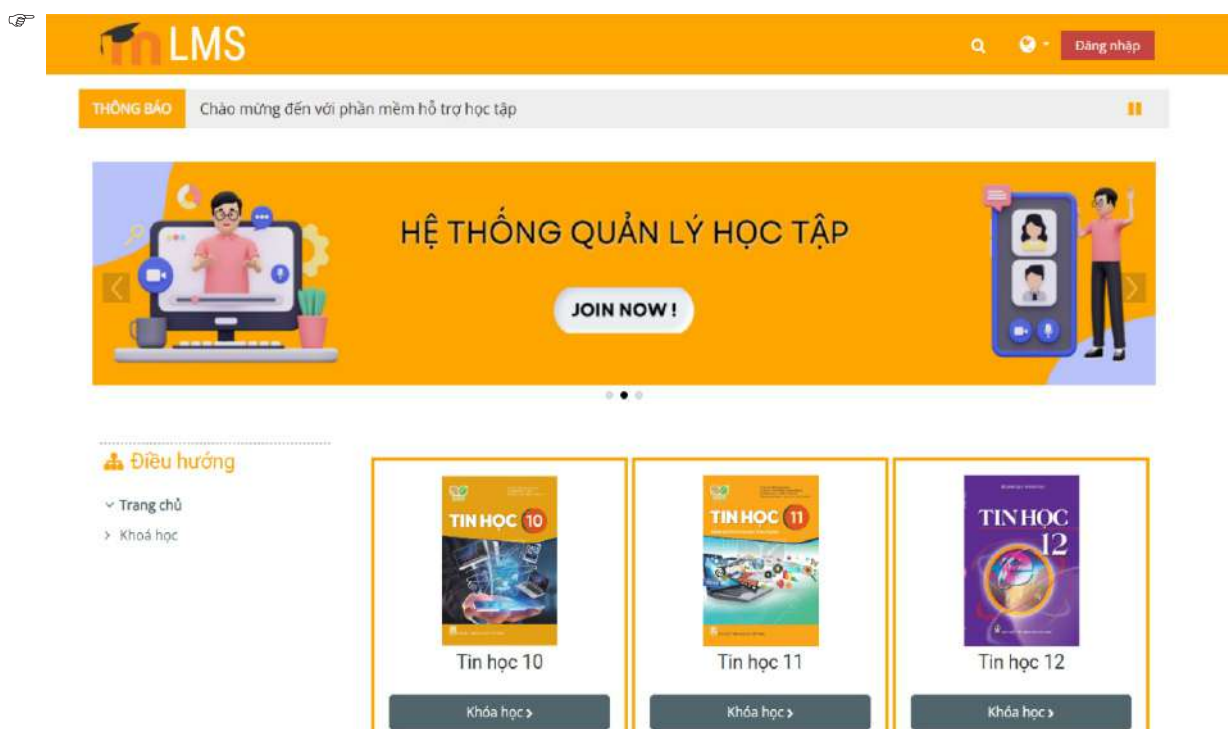
Em Võ Trung Nguyên thuyết trình đề tài Robot trợ giúp người bị liệt sử dụng giọng nói Tiếng Việt.



Em Đỗ Lê Chí Hùng và em Đỗ Lê Diễn Hằng với mô hình “Giải pháp giảm ùn tắc giao thông tại ngã tư đèn xanh đèn đỏ có ứng dụng trí tuệ nhân tạo”.

em Phạm Quỳnh Anh, Lê Vũ Diệu Ly, Trường THPT Sơn Mỹ, thành phố Quảng Ngãi; “Hệ thống chữa cháy thông minh” của các em Võ Kiều Phương, Lê Thị Mỹ Huyền, Trường THCS Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ; “Hệ thống chữa cháy thông minh” của các em Võ Kiều

Phương, Lê Thị Mỹ Huyền, Trường THCS Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ; “Mô hình xe tưới cây sử dụng năng lượng mặt trời” của các em Lê Quang Nhật, Quảng Thị My, Nguyễn Ngọc Trường Giang, Trường THCS và THPT Vạn Tường, huyện Bình Sơn; “Hệ thống báo lũ” ☞



Giao diện trang chủ của Phần mềm hỗ trợ học tập môn Tin học.

lực tự động, đa năng dựa trên công nghệ tần số Lora” của các em Lê Ngọc Phát, Đoàn Minh Quang, Trường THPT Phạm Văn Đồng, huyện Mộ Đức; “Bẫy và chất dẫn dụ diệt ruồi đục quả” của các em Ngô Thị Minh Thư, Nguyễn Hồng Sơn, Trường THCS Đức Chánh, huyện Mộ Đức; “Cảm nang số về giáo dục phòng chống bạo lực học đường bằng công nghệ AI, truyền thông trên nền tảng TK TOK, YOUTUBE” của các em Ngô Trường Phúc, Ngô Kim Quyên, Trường THCS Nguyễn Nghiêm Tiểu học Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi; “Phân bón hữu cơ từ rác thải sinh hoạt” của các em Chế Thanh Hiếu, Lê Phương Uyên, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng,

huyện Nghĩa Hành; “Tái chế phế liệu thành mô hình xe quét rác, xúc rác và hút bụi bán tự động” của các em Phạm Phi Hùng, Ngô Viết Hùng, Trường PTDTBT TH&THCS Đinh Thanh Kháng; “Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn, kháng Oxy hóa của tinh dầu Húng quế (*Ocimum Basilicum* L.) được trồng ở huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi” của các em Nguyễn Ngọc Khiêm, Trần Phạm Minh, Trường THCS Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành; “Ứng dụng “Vui cùng danh pháp hoá học” thiết kế bằng ngôn ngữ lập trình Scratch” của em Phạm Thiên Hương, Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, huyện Nghĩa Hành; “Thiết bị báo lỗi tự động

trên ván dậm bột xà” của em Lê Ngọc Diễm Quỳnh, Trường Tiểu học Đức Hiệp, huyện Mộ Đức; “Trò chơi vượt chướng ngại vật - lập trình SCRATCH” của các em Nguyễn Thị Thảo Vy, Bùi Trọng Gia Bảo, Dương Tiểu Hồng, Trường THCS Phổ Cường, thị xã Đức Phổ; “Một số sản phẩm tranh dân gian Đông Hồ trên mo cau” của các em Võ Nguyên Tâm, Trịnh Thiên Ân, Huỳnh Nguyễn Bình Nguyên, Trường TH&THCS Bắc Phong, huyện Mộ Đức; “Bảo quản nông sản khô an toàn, hiệu quả từ lá bạch đàn xanh” của các em Đào Ngọc Anh Thư, Nguyễn Bùi Gia Hân, Trường TH&THCS Lê Trung Đình, tp Quảng Ngãi ■

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ DOANH NGHIỆP VÀ HỖ TRỢ THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ

✍ MAI HƯƠNG

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 về triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

Mục tiêu:

- Phân đầu đến hết năm 2025, 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Đánh giá DBI) theo Quyết định số 2158/QĐ-BTTTT ngày 07/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Từ năm 2026 trở đi, hằng năm có tối thiểu 70% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cập nhật nội dung đánh giá DBI; sử dụng kết quả đánh giá DBI để có kế hoạch, lộ trình chuyển đổi số phù hợp. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập tại Đề án để được hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số đối với doanh nghiệp mình.

- Các cơ quan chức năng



thuộc tỉnh sử dụng dữ liệu hình thành từ hoạt động đánh giá DBI cho các hoạt động, nhiệm vụ đưa ra kế hoạch và giải pháp phù hợp để quản lý và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số doanh nghiệp nói chung, phát triển kinh tế số và các hoạt động, nhiệm vụ hỗ trợ theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhiệm vụ thực hiện:

- Truyền thông về nâng cao nhận thức về chuyển đổi số doanh nghiệp, về triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Tổ chức hoạt động truyền thông, khai thác Hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (<https://dbi.gov.vn>; <https://digital.business.gov.vn>).

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tổ chức, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động của mạng lưới tư vấn doanh nghiệp chuyển đổi số theo yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

☞ - Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Tổng kết các thực tiễn điển hình và bài học kinh nghiệm về chuyển đổi số doanh nghiệp; công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

Giải pháp triển khai:

1. Về nhân lực

Huy động sự tham gia của Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp; phát triển và huy động sự tham gia của Mạng lưới chuyển đổi số theo Kế hoạch số 87/KH- UBND ngày 05/4/2024 về Triển khai thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về Chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, Mạng lưới tư vấn viên; sự tham gia của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp có giải pháp chuyển đổi số doanh nghiệp trong nước.

2. Về truyền thông

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi dưới nhiều hình thức (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tuyên truyền trên trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương, các phương tiện truyền thông đại chúng; thu thập, cung cấp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số từ các kênh trên mạng xã hội,...) nhằm nâng cao nhận thức và sự quan tâm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp.

Tổ chức hoạt động thông kê trên dbi.gov.vn, digital.business.gov.vn phục vụ công tác truyền thông.

Truyền thông lan tỏa, vinh danh các

doanh nghiệp đạt kết quả cao về chuyển đổi số; các tổ chức hoặc cá nhân tư vấn có uy tín thuộc Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp, Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên, các doanh nghiệp cung cấp giải pháp chuyển đổi số; tổng kết thực tiễn điển hình và bài học kinh nghiệm về chuyển đổi số doanh nghiệp; công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

3. Bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI, về Đánh giá DBI

Phổ biến tài liệu, cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về Chuyển đổi số doanh nghiệp, về đánh giá DBI; xác lập sự tham gia của các tổ chức, cá nhân thuộc Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp, Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên; tổ chức hoạt động tập huấn cho lực lượng tư vấn Chuyển đổi số doanh nghiệp, tư vấn đánh giá DBI bằng hình thức trực tuyến (chủ yếu) kết hợp trực tiếp.

Tổ chức đăng ký cán bộ phụ trách đánh giá DBI của doanh nghiệp, Tư vấn viên về đánh giá DBI tại doanh nghiệp. Tổ chức hướng dẫn sử dụng Bộ chỉ số DBI và sử dụng công cụ hỗ trợ đánh giá DBI trên cổng DBI của Bộ Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn>, Cổng thông tin và cơ sở dữ liệu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ <https://digital.business.gov.vn> bằng các hình thức khác nhau.

4. Về triển khai các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số

Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số doanh nghiệp để kết nối nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp cung cấp giải pháp chuyển đổi số doanh nghiệp với doanh nghiệp trong tỉnh theo từng lĩnh vực, ngành nghề để thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả.

Tổ chức đăng ký nội dung hỗ trợ doanh nghiệp ☞

ng nghiệp chuyển đổi số theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; đăng ký cung cấp giải pháp chuyển đổi số doanh nghiệp, đăng ký tư vấn chuyển đổi số, đăng ký tư vấn Đánh giá DBI theo hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp.

Triển khai các giải pháp, chính sách hỗ trợ về dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ

tư vấn, đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi số; các sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi; giải pháp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, nền tảng số dùng chung, hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực và các giải pháp, chính sách khác theo quy định ■

ĐĂNG KÝ HỒ SƠ THAM GIA XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG TRẦN ĐẠI NGHĨA NĂM 2025

ĐĂNG NGUYỄN

Sở Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1834/SKHCN-QLCN gửi các cơ quan, đơn vị tham gia đăng ký hồ sơ xét tặng Giải thưởng Trần Đại Nghĩa năm 2025.

Giải thưởng Trần Đại Nghĩa do Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức nhằm khích lệ và tôn vinh các nhà khoa học có thành tựu xuất sắc về khoa học tự nhiên và công nghệ thuộc các lĩnh vực như Toán học; Cơ học; Khoa học thông tin và Khoa học máy tính; Vật lý; Hoá học; Khoa học về sự sống; Khoa học về trái đất; Khoa học biển; Khoa học môi trường, năng lượng và công trình đã được triển khai ứng dụng các kết quả đó trên lãnh thổ Việt Nam, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.



Lễ trao giải thưởng Trần Đại Nghĩa lần thứ I - năm 2022.

Hồ sơ đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng gửi về Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 theo địa chỉ: số 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (Hồ sơ được tính theo dấu bưu điện và Hồ sơ xét tặng Giải thưởng thực hiện theo Quyết định số 83/QĐ-VHL ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế Giải thưởng Trần Đại Nghĩa).

Thông tin về Giải thưởng được đăng tải trên cổng thông tin điện tử chính thức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: <http://vast.gov.vn/giai-thuong-tran-dai-nghia>

Chi tiết xin liên hệ Cơ quan thường trực Giải thưởng: Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ. Điện thoại: 02437912612, Email: buihien@vast.gov.vn ■

ÁP DỤNG TPM GIÚP DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG

✍ HOÀNG NGỌC

TPM (Total Productive Maintenance) – Công cụ quản lý hiệu suất tổng thể, một trong những giải pháp quan trọng được doanh nghiệp lựa chọn nhằm bảo đảm hiệu quả thiết bị, tối đa hóa hiệu suất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo môi trường làm việc an toàn.

10 mục tiêu của TPM là: (1) Đạt được 3 Không: Không Sản phẩm lỗi, Không Sự cố, Không Tai nạn; (2) Lôi cuốn toàn thể người lao động vào các hoạt động nhóm để bảo dưỡng tự giác và cải tiến thiết bị; (3) Nâng cao năng suất chất lượng và Chỉ số hiệu suất thiết bị toàn bộ (OEE); (4) Giảm thiểu chi phí sản xuất sinh ra do máy hỏng, máy dừng; (5) Giao hàng đúng hạn 100%; (6) Không để khách hàng phàn nàn; (7) Không để xảy ra tai nạn; (8) Khuyến khích các sáng kiến cải tiến của người lao động; (9) Chia sẻ kinh nghiệm; (10) Cải thiện môi trường làm việc.

Thực hiện TPM giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu suất hoạt động, loại bỏ sự cố, sai sót của máy móc thiết bị thông qua việc tự bảo dưỡng máy móc trong quá trình sản xuất hàng ngày. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp hợp lý



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam tổ chức khóa đào tạo về TPM cho các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi.

hóa chi phí sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Với TPM, mọi người cùng hợp lực và tương tác với nhau để nâng cao hiệu suất hoạt động thiết bị một cách hiệu quả nhất. TPM hướng nhiều vào phần cứng của hệ thống sản xuất trong công ty nên các đối tượng thích hợp áp dụng là các tổ chức/doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, trong đó, phần máy móc thiết bị tham gia đóng góp lớn cho việc tạo ra cũng như đóng vai trò quan trọng quyết định chất lượng sản phẩm. Tại Việt Nam, trong quá trình triển khai Chương trình quốc gia về “Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam”, nhiều doanh nghiệp mạnh dạn áp dụng phương pháp TPM và chỉ sau thời gian ngắn đã có những cải tiến đáng kể.

TPM tập trung vào việc duy trì tất cả các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt nhất để tránh sự cố và chậm trễ trong quá trình sản xuất. Theo các chuyên gia, có 5 bước cơ bản để thực hiện kế hoạch bảo trì năng suất toàn diện và lợi ích của TPM.

Bước 1 - Xác định khu vực thí điểm

Khi chọn thiết bị thí điểm, có thể chọn bắt đầu với một máy đơn giản hoặc không quan trọng đối với sản xuất, hoặc ngược lại, với máy là nguyên nhân gây ra tắc nghẽn hoặc rất

quan trọng.

Xét về những người cùng nỗ lực thực hiện thí điểm TPM, nên tập trung càng nhiều nhân viên càng tốt. Điều đó sẽ giúp xây dựng động lực và khi những lợi ích của chương trình TPM được hiện thực hóa, đảm bảo những nỗ lực không làm doanh nghiệp thất vọng.

Bước 2 - Trả thiết bị về tình trạng cơ bản

Khi khu vực thí điểm đã được xác định, đó là lúc kết hợp TPM vào 5S và bảo trì tự quản. Ý tưởng ở đây là tất cả những người tham gia TPM nên liên tục khôi phục thiết bị trở lại tình trạng cơ bản bằng cách sử dụng các hoạt động được nêu trong nền tảng 5S.

Một khi điều này đã được thiết lập như hiện trạng, các nhà điều hành và nhân viên bảo trì nên bắt đầu chương trình bảo trì tự quản của họ, bao gồm thiết bị làm sạch trong khi kiểm tra sự hư hỏng hoặc bất thường, xác định và loại bỏ các yếu tố góp phần làm hỏng và thiết lập các tiêu chuẩn để làm sạch, kiểm tra và bôi trơn một tài sản đúng cách.

Bước 3 - Chỉ số Hiệu suất thiết bị toàn bộ

Chỉ số Hiệu suất thiết bị toàn bộ (OEE) hoặc hiệu quả của thiết bị tổng thể, đo lường mức độ sẵn có của thiết bị, cách thức hoạt động và loại chất lượng mà nó tạo ra.



Nhà máy Bánh kẹo Biscafun Quảng Ngãi áp dụng thành công hệ thống TPM vào hoạt động sản xuất.

Đo lường điều này thường xuyên sẽ cung cấp cho doanh nghiệp một chỉ số tuyệt vời về việc chương trình TPM của doanh nghiệp có hoạt động như kế hoạch hay không.

Điều này sẽ cung cấp cho doanh nghiệp xác nhận dựa trên dữ liệu về việc các nỗ lực loại bỏ thời gian chết của doanh nghiệp có hoạt động hay không, và sau đó theo dõi hiệu quả của các nỗ lực của doanh nghiệp theo thời gian.

Bước 4 - Giảm tổn thất lớn

Bước này được thực hiện bằng cách tập trung cải tiến trực tiếp để triển khai TPM hiệu quả. Khi OEE đã được thiết lập, điều quan trọng là phải tập hợp một nhóm chức năng chéo có thể xem dữ liệu OEE đã được tạo ra và xác định các lý do chính cho các tổn thất đã xảy ra.

Sau khi phân tích nguyên nhân gốc rễ đã được tiến hành, các biện pháp có thể được thực hiện để loại bỏ những tổn thất này nếu có thể. Việc tiếp tục sử dụng phép đo OEE sẽ xác minh xem các nỗ lực cải tiến tập trung có hoạt động như kế hoạch hay không.

Bước 5 - Thực hiện bảo trì theo kế hoạch

Giai đoạn cuối cùng của việc triển khai TPM hiệu quả là lập kế hoạch và lên lịch các hoạt động bảo trì.

Không phải mọi khía cạnh của bảo trì năng suất toàn diện đều có thể đưa vào vận hành cùng lúc. Doanh nghiệp sẽ thành công hơn khi thực hiện từng bước một ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội nghị phổ biến, chuyển giao kết quả dự án KH&CN cấp bộ “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại Quảng Ngãi”.



Hội nghị phổ biến, chuyển giao kết quả đề tài “Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sản mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sản bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi”.



Tổ chức khóa đào tạo hướng dẫn thực hành các công cụ và kỹ thuật trong năng suất xanh.



Tập huấn luyện quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường.



Kiểm tra việc tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện dự án “Hỗ trợ ứng dụng tiên bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi”.



Kiểm tra việc tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc (đậu phộng) trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi”.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Kiểm định đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.



Kiểm định công tơ điện.



Hệ Thống máy sắc khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Kiểm định đồng hồ nước.



Kiểm định XI TEC ô tô.



Kiểm định cân ô tô.